TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HC-ST
Ngày: 07-3-2024
V/v "khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực thuế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quán

Các *Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phạm Thị Lập

2. Ông Nguyễn Thanh Tây

***Thư ký phiên tòa*:** bà Vũ Thị Thu Hường – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Từ ngày 05 đến ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2023/TLST-HC ngày 11 tháng 12 năm 2023 về "Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực thuế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Người khởi kiện: Công ty TNHH H2

Địa chỉ: lô B Đường số C KCN Đ, ấp E, xã Đ huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Liu Hung Y – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: số C ấp V, xã L, huyện B, tỉnh Long An. Văn bản ủy quyền ngày 19/9/2023.

2. Người bị kiện: Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L.

Địa chỉ: số A QL A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Thu V – Phó Cục trưởng Cục thuế tỉnh L. (Văn bản ngày 24/01/2024)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L:

- Ông Phạm Văn M – Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Đ - Đ;

- Ông Hồ Ngọc H – Phó Trưởng phòng kiểm tra – Thanh tra số 1;

- Ông Nguyễn Thành N – Công chức Phòng kiểm tra nội bộ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Công ty TNHH H2 trình bày tại đơn kiện ghi ngày 17/11/2023 như sau:

Công ty TNHH H2 nhận thấy việc Cục thuế tỉnh L ban hành Quyết định *"Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế"* số 1684/QĐ-XPVHC ngày 29/06/2023 là trái với quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của công ty, bởi các lý do:

Theo Biên bản vi phạm hành chính về thuế và Quyết định "Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế" số 1684/QĐ-XPVHC ngày 29/06/2023 của Cục thuế tỉnh L. Cục thuế tỉnh L đã tiến hành truy thu và xử phạt hành chính đối với hành vi kê khai sai dẫn đến thiếu số thuế GTGT phải nộp tăng thêm là 960.410.091 đồng, quy định tại tiết a.4 điểm a khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính của hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất của dự án giữa công ty TNHH H2 (công ty H2) và công ty Cổ phần Đ1 (công ty Đ1).

Cụ thể như sau:

Tại biên bản làm việc nội bộ của Cục thuế tỉnh L về việc kiểm tra nội bộ tại phòng Thanh tra – Kiểm tra số 1 giữa ông Phan Văn M1 – Chức vụ trưởng đoàn và ông Trần Phước H1 – Trưởng đoàn kiểm tra đối với nội dung chuyển nhượng dự án bất động sản của công ty H2 và công ty Đ1. Theo đó xác định thuế GTGT phải kê khai và nộp bổ sung là 960.410.091 đồng.

Sau khi Công ty được thông tin (không có văn bản) về nội dung phải nộp số tiền bổ sung đã giải trình với cơ quan thuế việc kê khai thuế GTGT với cơ quan thuế với nội dung như sau:

Căn cứ tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT trường hợp: *Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã.*

Tại công văn 5210/TCT-CS ngày ngày 08 tháng 12 năm 2015 của T3 trong đó xác định: *" ...trường hợp doanh nghiệp tiến hành chuyển nhượng dự án đầu tư bao gồm cả dự án bất động sản cho doanh nghiệp khác, nếu các dự án đầu tư này đáp ứng điều kiện về dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và để phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì khi tiến hành chuyển nhượng, doanh nghiệp chuyển nhượng không phải kê khai, tính và nộp thuế GTGT cho việc chuyển nhượng dự án."*

Tại Giấy chứng nhận đầu tư số 3210745248 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp lần đầu ngày 4/2/2016 và cấp thay đổi lần 1 ngày 23/03/2016 chứng nhận cho công ty H2 thực hiện dự án "đầu tư nhà máy sản xuất ống nhựa và phụ kiện" tại C2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam trên thửa đất 57/TĐKĐ/VPĐK, diện tích 95.157m².

Công ty chuyển nhượng QSDĐ khu đất thực hiện dự án "Sản xuất nhựa và các phụ kiện" cho công ty Đ1 tiếp tục đầu tư, sản xuất kinh doanh và ngày 04 tháng 01 năm 2021 hai công ty đã tiến hành cam kết về việc không thực hiện điều chỉnh hóa đơn, kê khai, nộp thuế, khấu trừ thuế theo hướng dẫn của Công văn 5210/TCT-CS ngày ngày 08 tháng 12 năm 2015 và Công văn 2144/TCT-CS ngày ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Tổng Cục thuế.

Như vậy, theo khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT, Công văn 5210/TCT-CS ngày ngày 08 tháng 12 năm 2015 và Công văn 2144/TCT-CS ngày ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Tổng Cục thuế như đã nêu ở trên thì hoạt động chuyển nhượng QSDĐ gắn liền với dự án "đầu tư nhà máy sản xuất ống nhựa và phụ kiện" của (công ty H2) cho công ty Đ1 tiếp tục đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa…thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

Ngày 01/02/2021 tại công văn 351/CT-TTK1 của Cục thuế tỉnh L trong đó xác định hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất của dự án giữa công ty H2 và công ty Đ1 không gắn liền với chuyển nhượng dự án nên không thuộc trường hợp áp dụng tại công văn số 5210/TCT-CS ngày 08/12/2015 và Công văn 2144/TCT ngày 20/05/2016 của T3.

Ngày 22/02/2021 Công ty đã có văn bản số 04/CV2020, theo đó đã trình bày và cung cấp các tài liệu có liên quan đến chuyển nhượng dự án của công ty cụ thể như sau:

Căn cứ theo Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 Công ty được cấp thực hiện "dự án sản xuất ống nước bằng nguyên liệu P và HDPE"

Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 07/07/2018 giữa Công ty và Công ty Cổ Phần Đ1.

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ-SKHĐT ngày 19/08/2018 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q về chấm dứt hoạt động "*Dự án sản xuất ống nhựa và các phụ kiện"*

Như vậy, đến ngày 07/07/2018 khi chuyển nhượng "*Dự án sản xuất ống nhựa và các phụ kiện"* cho công ty Đ1 thì dự án vẫn chưa bị thu hồi theo quyết định số 136/QĐ-SKHĐT ngày 19/08/2018 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q. Công ty đã chuyển nhượng dự án thì sau 42 ngày mới bị thu hồi để Công ty cổ phần Đ1 chuyển sang dự án "xây dựng nhà nhà xưởng cho thuê và dự án Sản xuất bê tông tươi thương phẩm và các sản phẩm bê tông đúc sẵn"

Ngày 23/03/2021 tại Công văn 876/CT-TTKT1 của Cục thuế tỉnh L trong đó C thuế lấy Ví dụ 18 tại khoản 4, điều 5 thông tư số 219/2013/TT-BTC31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT để kết luận hoạt động chuyển nhượng của Công ty không gắn với chuyển nhượng dự án, nên phải kê khai và nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 23/06/2021 Công ty đã có văn bản số 07/CV2021 phúc đáp công văn số 876/CT-TTKT1 ngày 23/03/2021, theo đó đã trình bày các quy định về việc kê khai thuế GTGT đối hoạt động chuyển nhượng quyền sử đất của dự án và không nhận được thông tin phản hồi của cơ quan thuế.

Sau đó Công ty nhận được Biên bản vi phạm hành chính về thuế và Quyết định "Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế" số 1684/QĐ-XPVHC ngày 29/06/2023 của Cục thuế tỉnh L đối với số thuế GTGT phải nộp của hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất của "dự án xuất ống nước bằng nguyên liệu P và HDPE".

Sau khi nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Công ty đã nộp đơn khiếu nại đến Cục T vào ngày 23/8/2023, sau đó Cục thuế có mời đại diện Công ty làm việc, rồi xác minh, đến ngày 30/10/2023 có mời đại diện Công ty để đối thoại đồng thời cũng lập biên bản, cho đến ngày Công ty khởi kiện chưa ra quyết định giải quyết khiếu nại.

Việc Cục thuế tỉnh L ban hành văn bản vô căn cứ, tùy tiện nêu trên và kéo dài việc giải quyết khiếu nại đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Nay Công ty làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An tuyên hủy Quyết định số 1684/QĐ-XPVHC ngày 29/06/2023 của Cục thuế tỉnh L.

Người bị kiện Cục thuế tỉnh L có ý kiến tại Văn bản số 345/CTLAN-TTKT1 ngày 24/01/2023 như sau:

Cục Thuế tỉnh L (sau đây gọi tắt là Cục T) nhận được Thông báo số 361/2023/TLST-HC ngày 11/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc thụ lý vụ án. Vấn đề này, Cục T xin có ý kiến về yêu cầu của bên khởi kiện là công ty H2 như sau:

Căn cứ Kết luận số 2232/KL-CT ngày 07/8/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L (Tại Mục VI. Kiến nghị các biện pháp xử lý). Yêu cầu Phòng TTKT1 thực hiện thủ tục xử lý số tiền thuế truy thu qua kiểm tra nội bộ (tiền thuế GTGT là 960.410.091 đồng, tiền thuế TNDN là 960.410.092 đồng) đồng thời xử lý phạt vi phạm hành chính về thuế, tính tiền chậm nộp đối với Công ty TNHH H2.

- Ngày 31/5/2023, phòng TTKT1 lập Biên bản làm việc yêu cầu Công ty nộp số tiền thuế GTGT truy thu theo Kết luận số 2232/KL-CT ngày 07/8/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L vào kho bạc Nhà nước tỉnh L.

- Ngày 27/6/2023, phòng TTKT1 lập Biên bản vi phạm hành chính về thuế đối với công ty H2 (Biên bản số 01/BB-VPHC) xác định Công ty đã có hành vi vi phạm hành chính: khai sai dẫn đến thiếu thuế GTGT, TNDN phải nộp của năm 2018 (Công ty đã khai bổ sung thuế TNDN năm 2018 vào kỳ tính thuế năm 2019 ngày 25/6/2019 và đã tính tiền chậm nộp từ ngày 01/4/2020 đến thời điểm nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số tiền thuế TNDN là 960.410.092 đồng và tiền chậm nộp 16.423.013 đồng). Trong biên bản có nội dung yêu cầu Công ty chấm dứt ngay hành vi vi phạm, thực hiện nộp số tiền thuế thiếu, xử lý phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp theo Kết luận số 2232/KL-CT ngày 07/8/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L, Công ty Đ2 ký biên bản không có ý kiến khác.

- Ngày 29/6/2023, Cục Thuế tỉnh L ký ban hành Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, cụ thể như sau:

- Truy thu thuế GTGT, số tiền: 960.410.091 đồng;

- Tiền phạt vi phạm hành chính: Phạt tiền với số tiền: 384.164.037 đồng, cụ thể:

+ Phạt hành vi khai sai dẫn đến khai thiếu số thuế TNDN phải nộp năm 2018, theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ, phạt 20% trên số tiền thuế khai sai, số tiền: 192.082.019 đồng (= 960.410.092 x 20%).

+ Phạt hành vi khai sai dẫn đến khai thiếu số thuế GTGT phải nộp tháng 8/2018, theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính

phủ, phạt 20% trên số tiền thuế khai sai, số tiền: 192.082.018 đồng (= 960.410.091 x 20%).

- Tiền chậm nộp: 607.075.219 đồng (trong đó tiền chậm nộp thuế GTGT: 501.622.191 đồng và tiền chậm nộp thuế TNDN do Công ty T4 còn thiếu: 105.453.028 đồng);

Tổng cộng tiền thuế truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp: 1.951.649.347 đồng.

Lý do: Công ty kê khai thuế đối với giao dịch chuyển nhượng bất động sản (QSDĐ) với giá thấp hơn giá của UBND tỉnh Q quy định (tính tại thời điểm chuyển nhượng), do đó Cục Thuế tỉnh L kết luận đối với trường hợp này Công ty phải bị ấn định giá tính thuế, xác định lại doanh thu tính thuế. Giá chuyển nhượng được xác định lại là theo giá của UBND tỉnh Q quy định tại thời điểm chuyển nhượng (căn cứ theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của tỉnh Quảng Nam); việc ấn định dẫn đến làm phát sinh tăng thêm số tiền thuế phải nộp nêu trên.

Căn cứ pháp lý:

- Về thuế TNDN: quy định tại tiết a.1 điểm a khoản 1 Điều 17 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính;

- Về thuế GTGT: quy định tại tiết a.4 điểm a khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 16/10/2013 của Bộ Tài chính.

Cục Thuế tỉnh L cũng đã xem xét ý kiến giải trình của Công ty và đã có các công văn trả lời cho công ty như:

Văn bản giải trình ngày 05/01/2021, Công văn giải trình số 04/CV2020 ngày 22/02/2021, C1 căn số 09/CV2021 ngày 15/10/2021 và ý kiến tại biên bản làm việc ngày 31/5/2023 của công ty H2 đã được Cục Thuế trả lời tại công văn số 351/CT-TTKT1 ngày 01/02/2021 và công văn số 876/CT-TTKT1 ngày 23/3/2021 và Công văn số 2642/CT-TTKT1 ngày 18/7/2023 của Cục Thuế tỉnh L là việc chuyển nhượng QSDĐ của công ty H2 và công ty Đ1 không gắn với chuyển nhượng dự án đầu tư, nên không thuộc trường hợp áp dụng theo nội dung tại công văn số 5210/TCT-CS ngày 08/12/2015 và công văn số 2144/TCT ngày 20/5/2016 của Tổng cục T3.

- Ngày 19/8/2023 (theo dấu công văn đến của Cục T số 9379 ngày 23/8/2023). Công ty H2 gửi đơn khiếu nại với nội dung như sau:

+ Khiếu nại về hành vi hành chính của ông Nguyễn Phi S, chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L ban hành Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023 của Cục Thuế tỉnh L "về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế" trái với quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp.

+ Lý do: theo biên bản vi phạm hành chính về thuế ngày 27/6/2023 và Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023 của Cục Thuế tỉnh L "về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế". Cục thuế tỉnh L đã tiến hành truy thu và xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu tiền thuế GTGT phải nộp tăng thêm là 960.410.091 đồng, quy định tại tiết a.4 điểm a khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất của dự án giữa công ty H2 và công ty Đ1.

- Ngày 06/9/2023, Cục Thuế tỉnh L đã ban hành Quyết định số 2242/QĐ-CTLAN về việc xác minh nội khiếu nại của công ty H2.

- Ngày 31/10/2023, Tổ xác minh theo Quyết định số 2242/QĐ-CTLAN đã có báo cáo số 41/BC-TXM báo cáo kết quả kiểm tra xác minh về nội dung đơn khiếu nại của công ty H2.

Kết quả xác minh và qua ý kiến tham gia đối thoại của người khiếu nại, người bị khiếu nại, nhận thấy công ty H2 không thuộc trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư, nên không thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Hợp chuyển nhượng QSDĐ của Công ty về giá trị chuyển nhượng gồm: giá trị không chịu thuế GTGT là tiền sử dụng đất đã được xác định số tiền 10.752.610.000 đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 5 của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 quy định đối tượng không chịu thuế và giá trị chuyển nhượng QSDĐ thuộc trường hợp phải kê khai, tính nộp thuế GTGT số tiền 11.851.490.909 đồng (Số liệu này do Cục Thuế tỉnh L tính lại theo giá đất do UBND tỉnh Q quy định tại thời điểm chuyển nhượng là 250.000đồng/m^2) theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật thuế GTGT; Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP18/12/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và được hướng dẫn tại khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế GTGT.

- Ngày 23/11/2023, Cục Thuế tỉnh L đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2976/QĐ-CTLAN gửi công ty H2 và có kết luận như sau:

- Căn cứ Điều 40 Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định:

"Điều 40. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Khi có nhu cầu thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Hồ sơ điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gồm:

a) Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

b) Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;

c) Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư;

d) Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 33 của Luật này liên quan đến các nội dung điều chỉnh."

- Căn cứ Điều 45 Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định:

"Điều 45. Chuyển nhượng dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư cho nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này;

b) Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;

c) Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

d) Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Trường hợp chuyển nhượng dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 của Luật này kèm theo hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh nhà đầu tư thực hiện dự án."

- Căn cứ Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư:

"Điều 37. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư của mình cho nhà đầu tư khác theo các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư. Trường hợp chuyển nhượng dự án phát sinh thu nhập, nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư:

a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ cho Cơ quan đăng ký đầu tư, gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư; hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có); bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

3. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này cho Cơ quan đăng ký đầu tư;"

- Căn cứ Điều 45 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư:

"Điều 45. Thực hiện dự án đầu tư và hoạt động đầu tư kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

1. Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương, tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài thành lập là nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.".

- Căn cứ khoản 6 Điều 5 và khoản 1 Điều 7 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 quy định đối tượng không chịu thuế:

+ Tại khoản 6 Điều 5 quy định:

"Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

...

6. Chuyển quyền sử dụng đất

..."

+ Tại khoản 1 Điều 7 quy định:

"Điều 7. Giá tính thuế

1. Giá tính thuế được quy định như sau:

...

h) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước;"

- Tại Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định:

"Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CPngày 18 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Điều 2 Nghị định số 91/2014/NĐ-CPngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế như sau:

...

3. Bổ sung Điểm a Khoản 3 Điều 4 như sau:

...

"a) Giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng được quy định cụ thể như sau:

...

- Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có); cơ sở kinh doanh không được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng đã tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế giá trị gia tăng. Nếu giá đất được trừ không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng chưa tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế giá trị gia tăng. Trường hợp không xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng."

- Tại khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

"10. Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế GTGT.

a.1.Giá đất được trừ để tính thuế GTGT được quy định cụ thể như sau:

...

a.4. Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế GTGT là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có); cơ sở kinh doanh không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của cơ sở hạ tầng đã tính trong giá trị quyền sử dụng đất được trừ không chịu thuế GTGT.

...

Trường hợp không xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng."

Từ những căn cứ pháp lý và thông tin đã xác minh nêu trên, Cục Thuế tỉnh L có ý kiến như sau:

Công ty H2 không có hồ sơ, thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Điều 40, Điều 45 của Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội và Điều 37, Điều 45 của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. Mặt khác hợp đồng chuyển nhượng của Công ty là hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/07/2018 giữa công ty H2 (bên chuyển nhượng) với công ty Đ1 (bên nhận chuyển nhượng) không phải là hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư mà là hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ.

Trường hợp công ty H2 chuyển nhượng bất động sản (QSDĐ) nêu trên không thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Đây là trường hợp chuyển nhượng bất động sản (QSDĐ) thuộc đối tượng kê khai nộp thuế GTGT theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật thuế GTGT; Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và được hướng dẫn tại khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Do công ty H2 kê khai giá chuyển nhượng bất động sản (QSDĐ) thấp hơn giá đất do UBND tỉnh Q quy định tại thời điểm chuyển nhượng (Căn cứ quy định tại điểm 5 Mục III Phụ lục số 04 Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 về việc

sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Q với đơn giá đất tại thời điểm chuyển nhượng là 250.000 đồng/m^2). Cục Thuế tỉnh L xác định lại giá trị chuyển nhượng QSDĐ theo quy định nêu trên, cụ thể như sau:

- Giá trị chuyển nhượng QSDĐ: (95.157m^2 x 250.000 đồng) = 23.789.250.000 đồng;

- Giá chuyển nhượng chưa thuế GTGT: 22.604.100.909 đồng;

- Tiền sử dụng đất không chịu thuế: 10.752.610.000 đồng;

- Giá trị tính thuế GTGT: 11.851.490.909 đồng;

- Thuế GTGT: 1.185.149.091 đồng.

Số liệu của Công ty kê khai theo hóa đơn kí hiệu AA/18P số 3436 lập ngày 04/8/2018 và theo hợp đồng công chứng ngày 07/07/2018 cụ thể:

- Giá trị chuyển nhượng QSDĐ: 13.000.000.000 đồng;

- Tiền sử dụng đất không chịu thuế: 10.752.610.000 đồng;

- Doanh thu chịu thuế GTGT: 2.247.390.000 đồng;

- Thuế GTGT: 224.739.000 đồng.

Tổng cộng tiền thanh toán: 13.224.739.999 đồng.

Số liệu tiền thuế GTGT chênh lệch tăng so với số liệu kê khai của Công ty như sau:

1.185.149.091 đồng - 224.739.000 đồng = 960.410.091 đồng.

Như vậy, Cục Thuế tỉnh L xác định đây là trường hợp chuyển nhượng QSDĐ thuộc đối tượng phải kê khai, tính nộp thuế GTGT và ban hành Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế là đúng quy định của pháp luật về thuế.

Việc Công ty khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023 của Cục T về xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với công ty Đ3 không có căn cứ và không có cơ sở pháp luật.

Cục Thuế tỉnh L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty H2 để tránh việc doanh nghiệp lợi dụng chính sách về chuyển nhượng dự án đầu tư nhằm trốn thuế gây thất thu Ngân sách Nhà nước, đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng lợi ích chung của các nhà đầu tư.

Ngày 11/12/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ theo quy định.

Tòa án lập biên bản không tiến hành đối thoại và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà,

Các bên vẫn giữ nguyên ý kiến như trong đơn kiện và nội dung trình bày tại biên bản đối thoại và công khai chứng cứ.

Đại diện cho người khởi kiện ông Nguyễn Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung căn cứ đã viện dẫn tại đơn kiện. Yêu cầu hủy Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023 của Cục Thuế tỉnh L "về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế" đối với Công ty H2.

Đại diện người khởi kiện cho rằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là gắn với chuyển nhượng dự án. Bởi vì ngày 07/07/2018 khi chuyển nhượng "*Dự án sản xuất ống nhựa và các phụ kiện"* cho Công ty cổ phần Đ1 thì dự án vẫn chưa bị thu hồi theo quyết định số 136/QĐ-SKHĐT ngày 19/08/2018 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q. Sau khi chuyển nhượng dự án 42 ngày sau dự án mới bị thu hồi để Công ty cổ phần Đ1 chuyển sang dự án "xây dựng nhà nhà xưởng cho thuê và dự án Sản xuất bê tông tươi thương phẩm và các sản phẩm bê tông đúc sẵn". Cục thuế tỉnh L kết luận hoạt động chuyển nhượng của Công ty không gắn với chuyển nhượng dự án, nên phải kê khai và nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhận quyền sử dụng đất là không đúng.

Việc Cục thuế áp dụng tiết a.4 điểm a khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất của dự án giữa công ty H2 và công ty Đ1 là không đúng quy định. Đất Công ty nhận chuyển nhượng từ Công ty V1 là đất Công ty V1 thuê. Việc lấy số tiền 10.752.610.000 đồng để làm căn cứ tiền sử dụng đất không chịu thuế là không đảm bảo quyền lợi của công ty H2. Từ việc giá tính thuế sai nên số tiền sai dẫn đến quyết định sai.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện phát biểu:

Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng giữa công ty H2 và công ty Đ1 là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong hợp đồng không một câu từ nào là chuyển nhượng dự án. Đến thời điểm ngày 19/08/2018 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q ban hành quyết định số 136/QĐ-SKHĐT thu hồi dự án "sản xuất ống nhựa và các phụ kiện" của công ty H2 trên đất chưa có một dự án nào được thiết lập theo đơn xin. Cho nên trường hợp của công ty H2 không thuộc trường hợp không

chịu thuế theo khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT.

Về căn cứ truy thu thuế và tính thuế, Cục Thuế tỉnh L căn cứ theo quy định tại tiết a.1 điểm a khoản 1 Điều 17 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về căn cứ tính thuế TNDN; khoản 1 Điều 7 Luật thuế GTGT; Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số rue&lan=1" \t "_blank" 209/2013/NĐ-CPngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, được hướng dẫn tại khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính để áp thuế đối với công ty Đ3 có cơ sở.

Về việc lấy số 10.752.610.000đ làm căn cứ để tính giá trị đất được trừ là căn cứ Hóa đơn số 00000055 ngày 28/4/2016 của Công ty TNHH V2 cho công ty H2 số tiền này công ty V1 nộp cho nhà nước nên không phải chịu thuế GTGT theo tiết a4 nói trên. Tại Hóa đơn số 0003436 ngày 04/8/2018, của công ty H2 xuất cho Công ty cổ phần Đ1 thì giá đất được trừ là 10.752.610.000 đồng. Đây là giá đất được trừ mà Công ty V2 cho công ty H2 nên không phải chịu thuế GTGT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng Hành chính năm 2015. Xác định quan hệ pháp luật, việc thụ lý vụ án, thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32; thủ tục thụ lý vụ án và thông báo về việc thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 125, Điều 126 của Luật Tố tụng hành chính 2015.

Thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/6/2023, Cục trưởng cục thuế tỉnh L ra quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC đối với Công ty TNHH H2. Ngày 20/11/2023, Công ty TNHH H2 nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 116, Luật tố tụng hành chính;

Việc lập hồ sơ vụ án, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 38, Điều 84; Việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại đúng quy định tại Điều 135, 136, 137, 139 Luật TTHC năm 2015; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi cho VKS đúng quy định tại các Điều 130, 146, 162, 163, Luật TTHC năm 2015*;* Việc Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp để nghiên cứu đúng quy định tại các điều từ Điều 99 đến Điều 110, Điều 147 Luật TTHC năm 2015;

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nguyên tắc xét xử theo các quy định từ Điều 12 đến Điều 20 Luật TTHC; thành phần Hội đồng xét xử, nội quy, trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng theo các quy định từ Điều 148 đến Điều 189 Luật TTHC năm 2015 về yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm.

Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 41, 167, khoản 2 Điều 169 Luật tố tụng hành chính.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 55, 56, 57, 60, 61 Luật TTHC năm 2015.

4. Về nội dung:

Công ty TNHH H2 thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/7/2018, tháng 8/2018 công ty thực hiện kê khai thuế GTGT và cuối năm 2018 thực hiện kê khai thuế TNDN. Đến ngày 29/6/2023, Cục thuế tỉnh L ban hành quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu tiền thuế phải nộp là còn thời hiệu xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 129/2013/NĐ-CP nêu trên.

Phó Cục trưởng Cục thuế tỉnh L thay mặt Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh L ký ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1684 đối với Công ty TNHH Đ3 đúng quy định về thẩm quyền tại điểm c khoản 3 Điều 32 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Mức xử phạt là 20% trên số tiền thuế khai thiếu là đúng quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn và Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

Về căn cứ xử phạt vi phạm hành chính:

1. Cục thuế tỉnh L cho rằng Công ty TNHH H2 thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng kê khai thuế theo giá ghi trong hợp đồng là thiếu số tiền thuế TNDN và thuế GTGT phải nộp nên ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty TNHH H2.

Tại tiết a.1 điểm a khoản 1 Điều 17 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về căn cứ tính thuế TNDN. Theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 07/7/2018 giữa công ty TNHH H2 và Công ty cổ phần Đ1 thì giá chuyển nhượng theo hợp đồng là 13 tỉ đồng, trong khi giá đất theo bảng giá đất mà UBND tỉnh Q ban hành theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 22/12/2018 là 250.000 đồng x 95.157 m^2 = 23.789.250.000 đồng.

Như vậy, giá chuyển nhượng theo hợp đồng thấp hơn giá đất do UBND tỉnh Q quy định tại thời điểm chuyển nhượng nên Cục T xác định lại giá chuyển

nhượng theo giá UBND tỉnh Q ban hành để xác định lại số tiền thuế phải nộp là đúng quy định pháp luật.

2. Xét ý kiến trình bày của công ty TNHH H2 về việc giao dịch chuyển nhượng với Công ty cổ phần Đ1 không phải là chuyển nhượng Quyền sử dụng đất mà là chuyển nhượng dự án nên giao dịch thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013 do giao dịch là chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT cho doanh nghiệp. Theo hồ sơ chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 07/7/2018 giữa Công ty TNHH H2 với Công ty cổ phần Đ1 chỉ đề cập đến nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ của các bên khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hoàn toàn không đề cập đến nội dung chuyển nhượng dự án. Tại khoản 3 Điều 3 của hợp đồng có ghi nhận nội dung thỏa thuận giữa các bên về việc Công ty TNHH H2 có trách nhiệm phải thực hiện thay đổi từ dự án sản xuất nhựa và các phụ kiện sang dự án xây dựng nhà xưởng cho thuê và dự án sản xuất bê tông tươi thương phẩm và các sản phẩm bê tông đúc sẵn tại thửa đất chuyển nhượng và tại Công văn 3501/UBND-KTN ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Q có ghi nhận nội dung thống nhất cho Công ty TNHH H2 chấm dứt hoạt động dự án. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty TNHH H2 đã có văn bản về việc chấm dứt hoạt động dự án gửi cơ quan có thẩm quyền trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng, dự án mà Công ty TNHH H2 đang thực hiện hoàn toàn khác dự án mà Công ty cổ phần Đ1 sẽ thực hiện sau khi nhận chuyển nhượng. Do đó, Công ty TNHH H2 trình bày rằng giao dịch chuyển nhượng đất với Công ty cổ phần Đ1 là chuyển nhượng dự án là không đúng thực tế khách quan của giao dịch. Hơn nữa, tại hóa đơn GTGT số 0003436 ghi nhận giao dịch chuyển nhượng đất giữa Công ty TNHH H2 với Công ty cổ phần Đ1 thể hiện Công ty TNHH H2 phải chịu thuế là 224.739.000 đồng. Công ty TNHH H2 cũng xác nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty TNHH H2 với Công ty cổ phần Đ1 là giao dịch có chịu thuế GTGT nên mới xuất hóa đơn GTGT số 0003436.

Từ những phân tích trên, Cục thuế tỉnh L ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty TNHH Đ3 đúng quy định pháp luật.

Đề nghị áp dụng Điều 193 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H2. Buộc người khởi kiện chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đối tượng khởi kiện, phạm vi giải quyết, thẩm quyền xét xử.

Công ty TNHH H2 yêu cầu hủy Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế là yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về thuế. Đây là đối tượng khởi kiện hành chính quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Ngày 23/8/2023 Công ty TNHH H2 nộp đơn khiếu nại Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L nhưng hết thời hạn giải quyết khiếu nại chưa được giải quyết. Ngày 20/11/2023, Công ty TNHH H2 khởi kiện.

Ngày 23/11/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2976/QĐ-CTLAN. Công ty TNHH H2 không khởi kiện đối với quyết định này. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án hành chính, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan theo quy định tại Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính 2015.

Quyết định bị yêu cầu hủy là quyết định của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh L nên căn cứ khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thời hiệu:

Ngày 29/6/2023 Cục trưởng Cục thuế tỉnh L ban hành Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC "về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế" đối với Công ty TNHH H2.

Ngày 20/11/2023 Công ty TNHH H2 khởi kiện.

Ngày 23/11/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2976/QĐ-CTLAN.

Căn cứ khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 thời hiệu đảm bảo.

[3] Về tư cách tố tụng.

Công ty TNHH H2 khởi kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh L nên xác định Công ty TNHH Đ3 người khởi kiện; Cục trưởng Cục thuế tỉnh Long An là người bị kiện.

Người khởi kiện; người bị kiện ủy quyền đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Trong vụ án này, Công ty H2 chỉ kiện quyết định xử phạt hành chính về thuế nên không cần thiết đưa Công ty Cổ phần Đ1 tham gia tố tụng với tư cách liên quan hay người làm chứng.

[4] Việc công khai chứng cứ, đối thoại và xét xử vắng mặt đương sự.

Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; lập biên bản đối thoại theo quy định tại các Điều 135, Điều 138 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[5] Việc xét xử vắng mặt đương sự.

Người đại diện cho người bị kiện có văn bản xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[6] Về thời hiệu và thẩm quyền ban hành quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

[6.1] Công ty TNHH H2 thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/7/2018, tháng 8/2018 công ty thực hiện kê khai thuế GTGT và cuối năm 2018 thực hiện kê khai thuế TNDN. Đến ngày 29/6/2023, Cục trưởng Cục thuế tỉnh L ban hành quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC xử phạt đối với hành vi khai thiếu tiền thuế phải nộp là còn thời hiệu xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định 129/2013/NĐ-CP nêu trên.

[6.2] Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 32 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, Phó Cục trưởng Cục thuế tỉnh L ký thay Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh L để ban hành Quyết định số 1684 xử phạt vi phạm hành chính đối với công ty Đ3 đúng quy định về thẩm quyền.

[7] Công ty TNHH H2 cho rằng căn cứ khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT thì các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT là *"Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã"*. Tại công văn 5210/TCT-CS ngày 08 tháng 12 năm 2015 của T3 thuế có xác định: *" ...trường hợp doanh nghiệp tiến hành chuyển nhượng dự án đầu tư bao gồm cả dự án bất động sản cho doanh nghiệp khác, nếu các dự án đầu tư này đáp ứng điều kiện về dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và để phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì khi tiến hành chuyển nhượng, doanh nghiệp chuyển nhượng không phải kê khai, tính và nộp thuế GTGT cho việc chuyển nhượng dự án."* Tại Giấy chứng nhận đầu tư số 3210745248 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Q cấp lần đầu ngày 4/2/2016 và cấp thay đổi lần 1 ngày 23/03/2016 chứng nhận cho công ty H2 thực hiện dự án "đầu tư nhà máy sản xuất ống nhựa và phụ kiện" tại C2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam trên thửa đất 57/TĐKĐ/VPĐK, diện tích 95.157m². Việc công ty C3 quyền sử dụng đất khu đất thực hiện dự án "Sản xuất nhựa và các phụ kiện" cho công ty Đ1 tiếp tục đầu tư, sản xuất kinh doanh và ngày 04 tháng 01 năm 2021, hai công ty đã tiến hành cam kết về việc không thực hiện điều chỉnh hóa đơn, kê khai, nộp thuế, khấu trừ thuế theo hướng dẫn của Công văn 5210/TCT-CS ngày ngày 08 tháng 12 năm 2015 và Công văn 2144/TCT-CS ngày 20 tháng 5 năm 2016 của Tổng Cục thuế. Từ đó khẳng định hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với dự án "đầu tư nhà máy sản xuất ống nhựa và phụ kiện" của công ty H2 cho công ty Đ1 tiếp tục đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa…thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

[8] Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng giữa công ty H2 và công ty Đ1 ngày 07/07/2018 là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không phải là hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư. Tại khoản 3 Điều 3 của hợp đồng ngày 07/7/2018 có ghi nhận nội dung thỏa thuận giữa các bên về việc công ty H2 có trách nhiệm phải thực hiện thay đổi từ dự án sản xuất nhựa và các phụ kiện sang dự án xây dựng nhà xưởng cho thuê và dự án sản xuất bê tông tươi thương phẩm và các sản phẩm bê tông đúc sẵn tại thửa đất chuyển nhượng. Tại công văn 3501/UBND-KTN ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Q cũng có ghi nhận nội dung thống nhất cho công ty H2 chấm dứt hoạt động dự án. Mặc khác, theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam chứng nhận cho công ty H2 ngày 04/02/2016 thay đổi lần 1 ngày 23/3/2016 tên dự án đầu tư sản xuất ông nhựa và các phụ kiện nhưng đến thời điểm chuyển nhượng đất trên đất chưa có công trình để thực hiện dự án đầu tư sản xuất ông nhựa và các phụ kiện. Như vậy, có căn cứ xác định công ty H2 đã có văn bản về việc chấm dứt hoạt động dự án gửi cơ quan có thẩm quyền trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng. Cho nên dù đến ngày 10/8/2018 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q mới ra quyết định số 136 chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư sản xuất ống nhựa và các phụ kiện của công ty H2 lý do nhà đầu tư quyết định chấm dứt thực hiện dự án nhưng các bên không chuyển giao dự án. Do đó, Cục Thuế tỉnh L xác định đây là trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc đối tượng phải kê khai, tính nộp thuế GTGT và ban hành Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế là đúng quy định của pháp luật về thuế.

[9] Về giá tính thuế.

[9.1] Việc công ty H2 kê khai giá chuyển nhượng bất động sản (QSDĐ) thấp hơn giá đất do UBND tỉnh Q quy định tại thời điểm chuyển nhượng nên Cục Thuế tỉnh L xác định lại giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất là đúng theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Q. Căn cứ quy định tại điểm 5 Mục III Phụ lục số 04 Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 thì đơn giá đất tại thời điểm chuyển nhượng là 250.000 đồng/m^2. Đồng thời, Cục Thuế tỉnh L căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật thuế GTGT; Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, được hướng dẫn tại khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính để áp thuế đối với Công ty Đ3 có cơ sở.

Cụ thể: Tổng giá bán theo giá UBND tỉnh Q 23.789.250.000đ; Giá bán chưa thuế 22.604.100.909đ;Giá đất được trừ 10.752.610.000đ; Giá tính thuế GTGT: 11.851.490.909đ; Thuế GTGT1.185.149.091đ; Thuế GTGT đã kiểm tra 224.739.000đ; Chênh lệch qua kiểm tra 960.410.091đ.

[9.2] Phía đại diện người khởi kiện cho rằng việc lấy số 10.752.610.000đ để tính giá đất được trừ là không chính xác mà phải lấy giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo tiết a.4 của điểm a Khoản 10 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, còn 10.752.610.000đ là "*Tiền sử dụng đất không chịu thuế*".

Xét thấy, căn cứ Hóa đơn số 00000055 ngày 28/4/2016, ký hiệu VA/14P của Công ty TNHH V2 cho công ty H2, giá đất được trừ là: 10.752.610.000đ. Đây là tiền sử dụng đất Công ty V1 nộp cho nhà nước nên không phải chịu thuế GTGT theo tiết a.4 của điểm a Khoản 10 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Tại Hóa đơn số 0003436 ngày 04/8/2018, ký hiệu AA/18P của công ty H2 xuất cho công ty Đ1 thì giá đất được trừ là 10.752.610.000 đồng. Đây là giá đất được trừ mà công ty V2 cho công ty H2 nên không phải chịu thuế GTGT theo tiết a4 nói trên. Trường hợp này công ty H2 tự kê khai và thực hiện đúng theo quy định nên Cục T1 không điều chỉnh nên Cục T1 tỉnh lấy số tiền này để tính giá trị đất được trừ là chính xác. Số tiền 10.752.610.000đ này không phải do cơ quan thuế áp đặt cho công ty.

[10] Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023, quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2976/QĐ-CTLAN ngày 23/11/2023 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh L ban hành là có căn cứ.

Từ phân tích trên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty H2 như phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[11] Về án phí Hành chính sơ thẩm: Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, Công ty TNHH H2 phải chịu tiền án phí, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, khoản 3 Điều 32 khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 157, Điều 348 Luật tố tụng Hành chính 2015;

Áp dụng tiết a.4 điểm a khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính; khoản 1 Điều 7 Luật thuế GTGT;

Áp dụng Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H2 đối với Cục Thuế tỉnh L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1684/QĐ-XPVPHC ngày 29/6/2023 của Cục Thuế tỉnh L "về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế" đối với Công ty TNHH H2.

2. Về án phí Hành chính sơ thẩm:

Công ty TNHH H2 phải chịu 300.000đ, được khấu trừ tạm ứng án phí 300.000đ, theo biên lai thu số 0000040 ngày 06/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt hợp lệ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản án

được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Long An;
- UBND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quán